TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 433/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11- 7 - 2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lý
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đông

2. Ông Hoàng Đắc Hân

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lan Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T,thành phố Hải Phòng .

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng *tham gia phiên tòa*: Ông Hà Xuân Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn P, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn B , xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; Hiện nay anh Trần Văn P đang là học viên tại Trung tâm giáo dục lao động xã hội số 2; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng; Có mặt .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 1/11/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn P trình bày: Anh và chị Hoàng Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 13/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng. Sau khi tổ chức lễ cưới, vợ chồng chung sống tại xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng . Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, anh Phúc mắc nghiện ma túy nên chị H bỏ về nhà bố mẹ

đẻ ở từ đó đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án cho ly hôn với chị H . Anh và chị H có một con chung tên là Trần Thị Thanh H , sinh ngày 06/10/2010, từ khi chị H bỏ đi, con chung ở với anh và mẹ đẻ anh. Khi ly hôn ,anh xin được tiếp tục nuôi con chung. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh đề nghị để tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giữa anh và chị H không có tài sản chung và vay nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn. Anh đang học tập tại Trung tâm giáo dục lao động xã hội số 2 Hải Phòng thời gian là 06 tháng kể từ ngày 15/02/2017.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Hoàng Thị H trình bày: Lời khai của anh P là đúng và chị đồng ý thuận tình ly hôn. Chị đề nghị công nhận thoả thuận để anh P tiếp tục nuôi con chung Trần Thị Thanh H , sinh ngày 06/10/2010 đến khi con thành niên và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung do chị và anh P tự thỏa thuận giao nhận với nhau. Chị và anh P không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành pháp luật và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã đúng theo qui định của pháp luật .Toà án đã xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật và người tham gia tố tụng.Về nội dung vụ án , đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu nuôi con chung của anh Phúc. Anh P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Anh Trần Văn P và chị Hoàng Thị H đều thống nhất quan điểm về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung và tài sản chung.Xác minh tại địa phương, Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng cung cấp thông tin anh Trần Văn P và chị Hoàng Thị H có đăng ký kết hôn , có một con chung . Hiện nay anh Trần Văn P , chị Hoàng Thị H đã có mâu thuẫn và sống ly thân nhau mỗi người một nơi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, anh Trần Văn P là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Văn P và chị Hoàng Thị H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng số 102 ngày 13 tháng 8 năm 2010 là hợp pháp. Quá trình sinh sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân nhau. Anh P , chị H đều thuận tình ly hôn vì vợ chồng không còn tình cảm nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn P và chị Hoàng Thị H .

[3] Về con chung, anh Trần Văn P và chị Hoàng Thị H có 01 con chung là Trần Thị Thanh H , sinh ngày 06/10/2010. Anh P và gia đình anh P là người trực tiếp nuôi con từ bé đến nay. Anh P , chị H đều thống nhất để anh P là người trực tiếp nuôi con chung đến khi con thành niên và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.Về cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên thoả thuận tự giao nhận cho nhau nên Hội đồng xét xử công nhận thoả thuận giữa anh Trần Văn P , chị Hoàng Thị H về vấn đề con chung.

[4] Về tài sản chung, anh Trần Văn P và chị Hoàng Thị H đều thống nhất trình bày không có tài sản chung, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Anh Trần Văn P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTTQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn P và chị Hoàng Thị H .

- Về quan hệ con chung: Công nhận sự thoả thuận anh Trần Văn P được trực tiếp nuôi con là Trần Thị Thanh H , sinh ngày 06/10/2010 đến khi con thành niên và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Hoàng Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên thoả thuận tự giao nhận cho nhau nên không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết.

- Về nghĩa vụ nộp án phí: Anh Trần Văn P có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T (theo biên lai thu số 0000662 ngày 20/01/2017) nên anh Trần Văn P đã thi hành xong nghĩa vụ nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

- Anh Trần Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết. Chị Hoàng Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND, Chi cục THADS H. T;
- TANDTP. Hải Phòng;
- UBND xã A, H. T, TP. Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Lý

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đắc Hân **Nguyễn Văn Đông** **Lê Thị Hồng Lý**

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....(1)

Bản án số:(2)...../...../.....
Ngày:(3) .....-.....-.....
V/v tranh chấp(4).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN (5).....

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:(6)
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà)……..
Thẩm phán: Ông (Bà) .....
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông (Bà).....

2. Ông (Bà).....
3. Ông (Bà).....
- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà)……..…….(7)
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân(8)**.....** *tham gia phiên toà:*
Ông (Bà).....-Kiểm sát viên.
Trong các ngày..... tháng..... năm.....(9) tại .....
xét xử sơ thẩm công khai(10) vụ án thụ lý số:...../...../TLST-.....(11)
ngày..... tháng..... năm..... về tranh chấp.....(12)
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:...../...../QĐXX-ST ngày.....
tháng..... năm..... giữa các đương sự:
1. Nguyên đơn:(13).....
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:(14) .....
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:(15).....
2. Bị đơn: (16) .....
Người đại diện hợp pháp của bị đơn:(17) .....
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:(18) .....
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập, tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc tham gia tố tụng với bên bị đơn):(19).....
Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:(20) .....
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:(21).....
4. Người làm chứng(22) .....
5. Người giám định:(23).....
6. Người phiên dịch:(24).....

NỘI DUNG VỤ ÁN: (25)

.....
.....
.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:(26)

[1] .....
[2] .....
[3] .....
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào……(27) .....
(28): .....
..... (29)